

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 216/TTr-STNMT ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Văn bản 2015/STNMT-BĐBTGD ngày 26 tháng 7 năm 2022 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Kế hoạch kèm theo).

Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về tính chính xác của danh mục dự án, số liệu diện tích đất và hồ sơ trình nội dung nêu trên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum; Thủ trưởng các đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP-Nguyễn Đăng Trình;
- + Phòng Hạ tầng - Kỹ thuật;
- + Phòng Kinh tế - Tổng hợp;
- Lưu: VT, NNTN._{NTT.TDL.BPN}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****KẾ HOẠCH****Định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 471 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Làm căn cứ xác định giá đất cụ thể của giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và các trường hợp khác theo quy định của Luật Đất đai.

2. Yêu cầu:

- Việc xác định giá đất cụ thể phải được thực hiện khách quan, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Việc lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất cụ thể phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Nhà nước.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo nguyên tắc và phương pháp định giá đất quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 36/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Dự kiến các trường hợp cần định giá đất cụ thể:

- Tổng số công trình, dự án dự kiến phải định giá đất để đấu giá quyền sử dụng đất: 84 công trình, dự án.

- Tổng số công trình, dự án dự kiến phải định giá đất để giao đất, cho thuê đất đối với các dự án mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị *(tính theo giá đất trong bảng giá đất)* từ 10 tỷ đồng trở lên: 02 công trình, dự án (tổ chức).

3. Dự kiến trường hợp phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất:

Tổng số công trình, dự án dự kiến phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất 84 công trình; trong đó bao gồm:

- Công trình, dự án để đấu giá quyền sử dụng đất là: 82 công trình, dự án;

- Công trình, dự án để cho thuê đất là: 02 công trình, dự án (tổ chức).

(Chi tiết có Danh mục kèm theo)

4. Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể:

- Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách Nhà nước đảm bảo.

- Các trường hợp định giá đất xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất và các trường hợp khác theo quy định của Luật Đất đai mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị *(tính theo giá đất trong bảng giá đất)* từ 10 tỷ đồng trở lên, thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị *(tính theo giá đất trong bảng giá đất)* dưới 10 tỷ đồng, thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc đô thị, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có lợi thế, khả năng sinh lợi *(căn cứ tình hình thực tế tại địa phương)*: Kinh phí thực hiện theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính và quy định của Nhà nước có liên quan.

5. Thời gian thực hiện định giá đất cụ thể: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Đối với các công trình, dự án chưa xác định giá đất cụ thể trong năm 2022, tiếp tục xác định giá đất cụ thể năm 2023 cho đến khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023 ban hành.

6. Cơ quan thực hiện thuê đơn vị cung cấp dịch vụ định giá đất:

- Đối với các Dự án định giá đất xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị *(tính theo giá đất trong bảng giá đất)* từ 10 tỷ đồng trở lên *(trừ trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định)*: Do Sở Tài nguyên và Môi trường thuê đơn vị có chức năng định giá đất thực hiện theo quy định.

- Đối với các Dự án định giá đất xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị *(tính theo giá đất trong bảng giá đất)* dưới 10 tỷ đồng, thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc đô thị, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có lợi thế, khả năng sinh lợi *(căn cứ tình hình thực tế tại địa phương)* *(trừ trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định)*: Do các đơn vị, địa phương nơi có đất thuê đơn vị có chức năng định giá đất thực hiện theo quy định.

- Đối với các Dự án định giá đất xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định: Do Sở Tài chính thực hiện theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể theo Kế hoạch định giá đất cụ thể nêu trên; gửi Sở Tài chính *(cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định giá đất)* tổ chức thẩm định giá đất và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các công trình, dự án do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề nghị, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 theo quy định.

2. Sở Tài chính (cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định giá đất)

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức định giá đối với cơ sở nhà, đất là tài sản công.

- Thực hiện nhiệm vụ là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường và tổ chức thẩm định phương án giá đất theo đúng quy định.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố việc tổ chức xác định giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với các trường hợp thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng.

- Tham mưu bố trí nguồn kinh phí định giá đất cụ thể theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan:

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn cung cấp và gửi hồ sơ thửa đất cần định giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định; Phối hợp với đơn vị tư vấn trong quá trình thực hiện định giá đất trên địa bàn theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các công trình, dự án thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có Văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 theo quy định.

4. Căn cứ Kế hoạch này, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để phối hợp giải quyết./. 

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum được ban hành tại Quyết định số 471 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Địa điểm	Tên dự án, công trình	Diện tích dự kiến (ha)	Dự kiến kinh phí (ĐVT: triệu đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HUYỆN ĐẮK TÔ (18 công trình, dự án)				
1	Thị trấn Đăk Tô	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng cây đa khối 7, thị trấn Đăk Tô	1.34	20	Kế hoạch số 114/KH-UBND, ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Đề nghị chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2022 (các danh mục đã có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đăk Tô)
2	Thị trấn Đăk Tô	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng Hồ Tròn khối 7, thị trấn Đăk Tô (Vị trí 1)	3.81	20	
3	Thị trấn Đăk Tô	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng Hồ Tròn khối 7, thị trấn Đăk Tô (Vị trí 2)	2.11	20	
4	Thị trấn Đăk Tô	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Lò gạch cũ khối 7, thị trấn Đăk Tô	0.90	20	
5	Xã Diên Bình	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá Xóm chùa thôn 2, xã Diên Bình	0.91	20	
6	Xã Diên Bình	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá Cây Hương, thôn 1, xã Diên Bình	1.42	20	
7	Xã Diên Bình	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá đồng ông Tâm, thôn 1, xã Diên Bình	1.45	20	
8	Xã Diên Bình	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực trồng rau sạch cây đa Diên Bình, thôn 1, xã Diên Bình	3.69	20	
9	Thị trấn Đăk Tô	Quỹ đất đấu giá đường Âu Cơ - Nguyễn Văn Trỗi - Phạm Văn Đồng	0.50	10	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 số 41/KH-UBND, ngày 09/3/2022.
10	Thị trấn Đăk Tô	Quỹ đất đấu giá đường Phạm Hồng Thái (Khối 5)	0.06	5	
11	Thị trấn Đăk Tô	Đấu giá thửa đất riêng lẻ đường Hoàng Thị Loan (Khối 8)	0.03	5	
12	Thị trấn Đăk Tô	Đấu giá thửa đất riêng lẻ đường Ngô Tiến Dũng (Khối 5)	0.03	5	

13	Thị trấn Đắk Tô	Phương án sắp xếp, bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư: Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (Vị trí Định giá đất cụ thể tại đường Hùng Vương, khối 9, thị trấn Đắk Tô)	0.05	5	Định giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường bằng đất theo hình thức giao đất.
14	Thị trấn Đắk Tô	Phương án sắp xếp, bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư: Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (Vị trí định giá đất tại đường Âu Cơ và đường Phạm Văn Đồng, khối 9, thị trấn Đắk Tô	0.11	5	Định giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường bằng đất theo hình thức giao đất.
15	Xã Kon Đào	Đấu giá đất thôn 6 xã Kon Đào	0.23	8	Đấu giá
16	Xã Diên Bình	Đấu giá để khai thác quỹ đất thôn 4 xã Diên Bình	0.36	8	Đấu giá
17	Xã Diên Bình	Đấu giá để khai thác quỹ đất thôn 8 xã Diên Bình	0.12	6	Đấu giá
18	Xã Tân Cảnh	Đấu giá đất thôn 2 xã Tân Cảnh	0.85	10	Đấu giá
II	THÀNH PHỐ KON TUM (30 công trình)				
1	P. Thống Nhất	Đấu giá phòng công chứng số 1	0.04	10	
2	P. Quang Trung	Đấu giá trụ sở làm việc trạm chăn nuôi và thú y	0.05	10	
3	P. Trần Hưng Đạo	Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất tại tổ 5 (giáp đường A Khanh)	0.30	15	
4	P. Thắng lợi	Đấu giá trụ sở làm việc Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0.05	5	

5	P. Lê Lợi	Đầu giá Quyền sử dụng đất tại Chợ khu vực phía Nam phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum (định hướng xây dựng chợ đầu mối)	0.47	5	
6	P. Thống Nhất	Đầu giá vị trí đất nhỏ lẻ (giáp đường Lý Thái Tổ)	0.03	5	
7	P. Nguyễn Trãi	Đầu giá Quyền sử dụng đất tại khu vực đường Hồ Quý Ly, tổ 03, phường Nguyễn Trãi	0.60	5	
8	P. Trường Chinh	Đầu giá Quyền sử dụng đất tại khu đất sát bên hông Kho dự trữ	0.25	5	
9	Xã Vinh Quang	Đầu giá quyền sử dụng đất Lô đất cây da cháy (đối diện đất Biên phòng cũ)	0.05		
10	Xã Đăk Cẩm	Đầu giá khu đất tại thôn 9 (đất nghĩa địa cũ)	0.20	10	
11	Xã Đoàn kết	Đầu giá vị trí đất nhỏ lẻ (thôn Đak Kia)	0.40	10	
12	P. Quyết Thắng	Đầu giá trung tâm kiểm soát bệnh tật	0.11	10	
13	Xã Vinh Quang	Dự án Khu thương mại dịch vụ kết hợp với đất ở kinh doanh xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum	0.65	5	
14	P. Quyết Thắng	Trung tâm Thương mại - dịch vụ - văn phòng tại phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum (Sở Xây dựng cũ)	0.21	5	
15	Xã Đăk Blà	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư các công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum kết hợp mở rộng, phát triển khu dân cư (giai đoạn 1)	2.59	10	
16	Xã Đăk Blà	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư các công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum kết hợp mở rộng, phát triển khu dân cư (giai đoạn 2)	13.94	10	

17	Xã Đăk Blà	Dự án giãn dân các hộ đồng bào dân tộc thiểu số gắn với thực hiện tái định canh, định cư, phát triển khu sản xuất nông nghiệp tại xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	84.00	10	
18	P. Lê Lợi	Giao đất khu tái định cư thuộc dự án đầu tư hạ tầng phát triển quỹ đất khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla	0.30	10	
19	Xã Vinh Quang	Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới tách thửa chưa có đất ở, nhà ở thôn Kon Hor Ngo KơTu	2.74	10	
20	Xã Ia Chim	Kế hoạch giao đất ở và đất nông nghiệp cho 02 thôn Plei Sar và Lâm Tùng	15.41	10	
21	Xã Đăk Cẩm	Giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất cho thuê đất trên địa bàn thành phố Kon Tum	7.92	10	
22	P. Trường Chinh	Đầu tư chỉnh trang đô thị tại lô đất số 192 đường Trần Phú, phường Trường Chinh	0.15	5	
23	P.Quyết Thắng	Bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất thuộc phạm vi lô đất dịch vụ - thương mại (đoạn từ Nhà hàng ven sông Đăk Bla đến đường trục chính và lối đi bộ của công viên cây xanh) phường	0.90	10	
24	P.Quyết Thắng	Đấu giá quyền sử dụng đất thương mại, dịch vụ (vị trí xây dựng Khách sạn Đăk Bla và nhà hàng Ngọc Linh)	0.41	30	
25	P.Ngô Mây	Trạm quản lý thủy nông thành phố Kon Tum	0.10	20	
26	P. Trần Hưng Đạo	Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất tại tổ 4 (02 vị trí đấu giá gồm giáp đường Tô Hiệu và Giáp đường bê tông)	0.45	10	

27	P. Quang Trung, P. Duy Tân, P. Nguyễn Trãi, P. Lê Lợi và xã Đắk Blà	Giao đất tái định cư, bồi thường bằng đất trên địa bàn thành phố Kon Tum - 18 lô tại khu Tây bắc phường Duy Tân. - Các lô thuộc Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư các công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư (giai đoạn 01). - Các lô thuộc Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư phía Bắc phường Duy Tân, thành phố Kon Tum. - Các lô thuộc Dự án Khai thác quỹ đất để phát triển hạ tầng Khu du lịch Ngục Kon Tum. - Các lô thuộc khu vực đất đường Hồ Quý Ly. - Các lô đất thuộc đường Phạm Ngọc Thạch (mặt cắt 6-6) khu đô thị Nam Đắk Blà.	1.00	5	
28	P. Lê Lợi	Đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất còn lại khu đô thị phía Nam cầu Đắk Blà, thành phố Kon Tum (C11, C12, C13, C14, C15, C16, C17, C21, C22, C23, C24, C25)	5.28	10	
29	P. Duy Tân	Công ty Cổ phần Trường Nhật thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0,284	28	Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Dự án cập nhật vào Kế hoạch định giá đất năm 2022 để xác định nghĩa vụ tài chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại Văn bản số 1064/UBND-NNTN ngày 15 tháng 4 năm 2022

30	Xã Hòa Bình	Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Măng Đen thuê đất để thực hiện dự án: Cụm Nhà máy chế biến thực phẩm và dược liệu công nghệ cao	33,003	70	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Dự án cập nhật vào Kế hoạch định giá đất năm 2022 để xác định nghĩa vụ tài chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại Văn bản số 1064/UBND-NNTN ngày 15 tháng 4 năm 2022
III	HUYỆN ĐẮK HÀ (18 công trình, dự án).				
1	Xã Đăk La	Đầu giá QSD đất sạch do UBND huyện Đăk Hà quản lý (Thửa 1158 tờ BĐ 27; Thửa 62 tờ 34; Thửa 615 tờ 43; Thửa 384 tờ 41; dọc đường QL 14; thửa 629 tờ 43;)	0.40	5	
2	Xã Đăk La	Đầu giá QSDĐ công ích 5% do UBND xã Đăk La quản lý	18.00	52	
3	Xã Đăk Hring	Dự án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Phía Tây Quốc lộ 14, lô 2, thôn Tân Lập B	4.60	15	
4	Xã Đăk Hring	Đầu giá QSD đất ở do Nhà nước quản lý (thửa đất giáp nhà của dân)	0.03	6	
5	Xã Đăk Hring	Dự án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, lô 2, thôn Tân Lập B	6.81	20	
6	Xã Đăk Hring	Đầu giá QSD đất ở tại xã Đăk Hring đã đầu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	0.06	6	
7	Xã Đăk Hring	Đầu giá QSD đất ở do Nhà nước quản lý (khu tập thể do Công ty cao su bàn giao về địa phương quản lý)	0.14	7	
8	Xã Hà Mòn	Đầu giá QSDĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731 (thửa đất số 12 tờ bản đồ 69), tại thôn 3	0.01	5	
9	Xã Hà Mòn	Đầu giá QSD đất ở (khu vực giáp chợ xã Hà Mòn lô ki ốt còn lại)	0.01	5	

10	Xã Hà Mòn	Đầu giá QSD đất ở do Nhà nước quản lý tại đường Nguyễn Đình Chiểu (lô số 32 , 53 Khu A và (lô 39, 40, 41) khu K, xã Hà Mòn	0.14	8	
11	Xã Ngọc Wang	Đầu giá QSD đất ở tại xã Ngọc Wang đã đầu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	0.15	8	
12	Xã Ngọc Wang	Đầu giá QSDĐ công ích 5% do UBND quản lý	6.70	10	
13	Thị trấn Đăk Hà	Đầu giá QSDĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731 tại TDP 2B	0.06	6	
14	Thị trấn Đăk Hà	Đầu giá QSD đất ở do UBND huyện quản lý tại TDP 2B (Đường Nguyễn Thượng Hiền, Đường Nguyễn Bình Khiêm -Phạm Ngũ Lão)	0.40	8	
15	Thị trấn Đăk Hà	Đầu giá QSDĐ đối với phần diện tích nhỏ lẻ được phân lô tạo vốn từ những năm trước tại TDP 7	0.40	8	
16	Thị trấn Đăk Hà	Đầu giá QSDĐ đối với diện tích đất thuộc dự án khu dân cư điểm cuối đường Hai Bà Trung đoạn từ Nguyễn Trãi đến đường vào UBND xã Đăk Ngọc	0.20	7	
17	Thị trấn Đăk Hà	Đầu giá QSD đất ở do Nhà nước quản lý tại thị trấn Đăk Hà (khu vực tổ dân phố 10, tổ dân phố 7-khu E, Tổ dân phố 7 -Đường QH số 1, Đất trạm y tế thị trấn Đăk Hà (cũ))	1.00	12	
18	Xã Ngọc Réo	Đầu giá QSD sử dụng đất tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 28 - tại xã Ngọc Réo	0.70	8	
IV	HUYỆN KON PLÔNG (13 công trình, dự án)				
1	Thị trấn Măng Đen	Dự án Khu nhà ở liền kề có vườn tại thị trấn Măng Đen	5.8	30	
2	Thị trấn Măng Đen	Khu đất ở, kết hợp dịch vụ, nghỉ dưỡng du lịch tại thị trấn Măng Đen (Khu vực phía Đông hồ Toong Đam)	9.28	30	
3	Thị trấn Măng Đen	Dự án đầu tư Nuôi cá nước lạnh, chăn nuôi gia cầm, trồng cây ăn quả, cây dược liệu gắn với du lịch sinh thái	2	10	
4	Xã Ngọc Tem	Cửa hàng xăng dầu xã Ngọc Tem	0.07	10	

5	Xã Hiếu	Trồng, sản xuất, chế biến các sản phẩm sạch từ cây chè sạch theo tiêu chuẩn Viet Gap và cây dược liệu tại xã Hiếu cho Hợp tác xã chè sạch Đông Trường Sơn (hạng mục nhà máy)	3.53	10	
6	Thị trấn Măng Đen	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.	0.6	5	
7	Thị trấn Măng Đen	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.	49.4	30	
8	Thị trấn Măng Đen	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.	47.12	30	
9	Thị trấn Măng Đen	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.	49.19	30	
10	Xã Măng Cành	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.	2.99	10	
11	Thị trấn Măng Đen	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.	4.76	10	
12	Xã Măng Cành	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.	144.3	30	
13	Thị trấn Măng Đen	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.	1.21	10	
V	HUYỆN IA H'DRAI (4 công trình, Dự án)				
I	Giá đất khởi điểm Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất				
1	Xã Ia Toi	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 Điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi (thuộc dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C- Sê San 3)	5.35	80	
2	Xã Ia Toi	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai	4.63	70	

3	Xã Ia Tơi	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai	1.83	30	
4	Xã Ia Tơi	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất các thửa đất tại lô đất ONT thuộc điểm dân cư công nhân số 2, tại thôn 2, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	0.52	30	
VI	HUYỆN SA THẦY (1 công trình, dự án)				
1	Thị trấn Sa Thầy	Đầu tư kết cấu hạ tầng Điểm dân cư khu vực Hạt Kiểm lâm (cũ) và lặn cặn	1.3	150	
Tổng: 84 dự án dự kiến xác định giá đất cụ thể trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum					